

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 788/TTr-STC ngày 30/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự toán thu quản lý dự án năm 2020 của Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh như sau:

- Dự toán thu phê duyệt đầu năm: 31.222.228.053 đồng;

- Dự toán thu điều chỉnh giảm: 5.514.903.053 đồng, trong đó:

+ Dự toán thu điều chỉnh tăng: 8.676.658.000 đồng do trong năm 2020 một số dự án được điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư và bổ sung kế hoạch vốn cho một số dự án mới.

+ Dự toán thu điều chỉnh giảm: 14.191.561.053 đồng do trong năm 2020 một số dự án điều chỉnh giảm kế hoạch vốn.

- Dự toán thu sau khi điều chỉnh: 25.707.325.000 đồng.

(Có phụ lục dự toán điều chỉnh, bổ sung chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- PVPNN;
- Lưu: VT, K10.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn: đồng

TT	Danh mục dự án	Dự toán				
		Dự toán được duyệt tại QĐ số 1110/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Chênh lệch	Dự toán sau điều chỉnh
A	Dự toán thu	31.222.228.053	8.676.658.000	14.191.561.053	-5.514.903.053	25.707.325.000
I	Tổng số thu (1+2+3+4+5)	31.222.228.053	8.676.658.000	14.191.561.053	-5.514.903.053	25.707.325.000
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	7.675.422.053	0	6.901.883.053	-6.901.883.053	773.539.000
1.1	Số dư tài khoản chi thường xuyên 3731.0.3026377.00000	7.541.524.058	0	6.767.985.058	-6.767.985.058	773.539.000
a	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	773.539.000			0	773.539.000
b	Nguồn trích lập các quỹ	6.767.985.058		6.767.985.058	-6.767.985.058	0
1.2	Số dư tài khoản trích lập các quỹ 3713.0.3026377.00000	133.897.995		133.897.995	-133.897.995	0
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	23.546.806.000	2.462.554.000	7.289.678.000	-4.827.124.000	18.719.682.000
2.1	Nguồn trích quản lý dự án	13.877.248.000	446.937.000	4.363.950.000	-3.917.013.000	9.960.235.000
2.1.1	Dự án PTNTTH Miền Trung-Bình Định - Khoản vay bổ sung	745.371.000		136.031.000	-136.031.000	609.340.000
2.1.2	Hệ thống Kênh tưới Thượng Sơn	1.848.516.000	286.582.000		286.582.000	2.135.098.000
2.1.3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung, tỉnh Bình Định	3.000.000.000		2.102.867.000	-2.102.867.000	897.133.000
2.1.4	Hồ chứa nước Đồng Mít	700.000.000		239.006.000	-239.006.000	460.994.000
2.1.5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	1.200.000.000		618.518.000	-618.518.000	581.482.000
2.1.6	Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương	271.713.000		0	0	271.713.000
2.1.7	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận	68.982.000	8.491.000		8.491.000	77.473.000
2.1.8	Mở rộng khả năng tiêu thoát lũ tại vị trí cầu 20 tuyến ĐT.640	266.731.000		0	0	266.731.000
2.1.9	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang	1.766.693.000	82.853.000		82.853.000	1.849.546.000
2.1.10	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định	535.585.000	64.004.000		64.004.000	599.589.000
2.1.11	Tiêu ứng thoát lũ sông Hà Thanh	55.000.000	5.007.000		5.007.000	60.007.000
2.1.12	Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn	911.062.000		511.062.000	-511.062.000	400.000.000
2.1.13	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	402.705.000		7.835.000	-7.835.000	394.870.000
2.1.14	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Điều Trì, huyện Tuy Phước	912.403.000		79.089.000	-79.089.000	833.314.000
2.1.15	Đường giao thông vào các khu đất SX hồ chứa nước Đồng Mít	669.542.000		669.542.000	-669.542.000	0
2.1.16	Mặt đường BTXM của hệ thống giao thông trong 02 khu TĐC hồ chứa nước Đồng Mít	522.945.000		0	0	522.945.000
2.2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	9.669.558.000	2.015.617.000	2.925.728.000	-910.111.000	8.759.447.000
2.2.1	Dự án PTNTTH Miền Trung-Bình Định - Khoản vay bổ sung	1.265.955.000		1.128.962.000	-1.128.962.000	136.993.000
2.2.2	Hệ thống Kênh tưới Thượng Sơn	1.151.799.000	231.628.000		231.628.000	1.383.427.000
2.2.3	Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh	500.000.000	1.097.239.000		1.097.239.000	1.597.239.000
2.2.4	Hồ chứa nước Đồng Mít	0	498.554.000		498.554.000	498.554.000
2.2.5	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	36.910.000		36.910.000	-36.910.000	0
2.2.6	Sửa chữa cấp bách hồ Phú Khương	162.081.000		0	0	162.081.000
2.2.7	Sửa chữa cấp bách hồ chứa nước Phú Thuận	238.998.000		8.491.000	-8.491.000	230.507.000
2.2.8	Mở rộng khả năng tiêu thoát lũ tại vị trí cầu 20 tuyến ĐT.640	32.894.000		0	0	32.894.000
2.2.9	Đập ngăn mặn trên sông Lại Giang	1.912.751.000	172.848.000		172.848.000	2.085.599.000
2.2.10	Thí điểm mô hình tăng trưởng xanh trong sản xuất cây thâm canh có múi, thí điểm đầu tư hệ thống tưới tiết kiệm trên cây trồng cận để ứng phó với tình hình nắng hạn tại Bình Định	921.355.000	9.868.000		9.868.000	931.223.000
2.2.11	Tiêu ứng thoát lũ sông Hà Thanh	0	5.480.000		5.480.000	5.480.000
2.2.12	Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn	895.287.000		895.287.000	-895.287.000	0
2.2.13	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	341.173.000		6.638.000	-6.638.000	334.535.000
2.2.14	Đê sông Hà Thanh đoạn thượng lưu cầu Điều Trì, huyện Tuy Phước	801.508.000		70.148.000	-70.148.000	731.360.000
2.2.15	Đường giao thông vào các khu đất SX hồ chứa nước Đồng Mít	779.292.000		779.292.000	-779.292.000	0

TT	Danh mục dự án	Dự toán				
		Dự toán được duyệt tại QĐ số 1110/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	Dự toán điều chỉnh tăng	Dự toán điều chỉnh giảm	Chênh lệch	Dự toán sau điều chỉnh
2.2.16	Mặt đường BTXM của hệ thống giao thông trong 02 khu TĐC hồ chứa nước Đông Mít	629.555.000		0	0	629.555.000
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0	6.214.104.000	0	6.214.104.000	6.214.104.000
3.1	Nguồn trích quản lý dự án	0	3.343.783.000	0	3.343.783.000	3.343.783.000
3.1.1	Đập dâng Suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Văn Canh		298.691.000		298.691.000	298.691.000
3.1.2	Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão		119.904.000		119.904.000	119.904.000
3.1.3	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan		135.727.000		135.727.000	135.727.000
3.1.4	Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn		978.678.000		978.678.000	978.678.000
3.1.5	Đê, kè xã Nhơn Lý, Tp Quy Nhơn		715.213.000		715.213.000	715.213.000
3.1.6	Xử lý sạt lở cấp bách sông Kôn đoạn qua thị xã An Nhơn và sông Cạn, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định			0	0	0
3.1.7	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ		504.739.000		0	504.739.000
3.1.8	ĐA Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan - giai đoạn I		0	0	0	0
3.1.9	Đập dâng Lão Tâm			0	0	0
3.1.10	Kiên cố chống sạt lở kênh chính hệ thống tưới Lại Giang từ cọc K0 đến K4+350		577.143.000		577.143.000	577.143.000
3.1.11	Kè xã Nhơn Hải, Tp Quy Nhơn		13.688.000		13.688.000	13.688.000
3.2	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	0	2.870.321.000	0	2.870.321.000	2.870.321.000
3.2.1	Đập dâng Suối Ba Cây, xã Canh Liên, huyện Văn Canh		28.201.000		28.201.000	28.201.000
3.2.2	Cầu kết nối từ trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão		49.128.000		49.128.000	49.128.000
3.2.3	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan		51.998.000		51.998.000	51.998.000
3.2.4	Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn		827.512.000		827.512.000	827.512.000
3.2.5	Kè Nhơn Lý		639.429.000		639.429.000	639.429.000
3.2.6	Xử lý sạt lở cấp bách sông Kôn đoạn qua thị xã An Nhơn và sông Cạn, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định		0	0	0	0
3.2.7	Sửa chữa cấp bách đê sông La Tinh đoạn thượng lưu đập Cây Ké, huyện Phù Cát, Phù Mỹ		456.981.000		0	456.981.000
3.2.8	ĐA Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan - giai đoạn I		0	0	0	0
3.2.9	Đập dâng Lão Tâm		192.795.000		192.795.000	192.795.000
3.2.10	Kiên cố chống sạt lở kênh chính hệ thống tưới Lại Giang từ cọc K0 đến K4+350		588.641.000		588.641.000	588.641.000
3.2.11	Kè xã Nhơn Hải, Tp Quy Nhơn		35.636.000		35.636.000	35.636.000
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp			0	0	0
1	Tư vấn giám sát thi công xây dựng				0	0
5	Nguồn thu hợp pháp khác			0	0	0
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng	16.702.471.053			0	11.187.568.000
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm (III=I-II=B)	14.519.757.000			0	14.519.757.000
B	Dự toán chi	14.519.757.000			0	14.519.757.000
C	Chênh lệch (A-B)	16.702.471.053			0	11.187.568.000